

Bài 6 MỘT GIỜ HỌC (6 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ ngữ, đọc rõ ràng câu chuyện *Một giờ học*; bước đầu biết đọc lời nhân vật với ngữ điệu phù hợp. Chú ý cách đọc ngắt hơi, nghỉ hơi ở những lời nói thể hiện sự lúng túng của nhân vật Quang (VD: *À... ờ... Em ngủ dậy.*). Hiểu nội dung bài đọc: Từ câu chuyện và tranh minh hoạ, nhận biết được sự thay đổi của nhân vật Quang từ rụt rè, xấu hổ đến tự tin.

2. a. Nghe – viết đúng chính tả một đoạn bài *Một giờ học*; biết trình bày tên bài và đoạn văn; biết viết hoa chữ cái đầu tên truyện, đầu câu.
b. Làm đúng các bài tập chính tả phân biệt chữ cái và tên chữ cái từ số thứ tự 20 đến 29; thuộc tên các chữ cái và biết sắp xếp chúng theo thứ tự bảng chữ cái (từ: *pê, quy,...* đến *ich-xì, i dài*).
3. a. Phát triển vốn từ chỉ đặc điểm; bước đầu biết đặt câu nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp.
b. Viết được 3 – 4 câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.
4. Tìm đọc được một bài thơ/ câu chuyện/ bài báo viết về trẻ em làm việc nhà.
5. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ và văn học trong việc kể về một hoạt động gắn với trải nghiệm của HS; có ý thức rèn luyện phẩm chất tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

– Truyện *Một giờ học* thuộc thể loại VB tự sự (Sự kiện được kể theo trật tự thời gian trước sau; diễn biến tâm lí của nhân vật được thể hiện thông qua lời nói, hành động). Truyện kể lại một sự việc từ ngôi thứ ba; cách sắp xếp các chi tiết trong VB theo trật tự thời gian trước sau (thể hiện qua từ ngữ: *đầu tiên, cuối cùng*) nhằm làm rõ sự thay đổi của nhân vật trong câu chuyện.

– Phương pháp dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Thẻ từ ghi từ ngữ chỉ đặc điểm ngoại hình cơ thể người để tổ chức cho HS luyện tập.
- Phiếu học tập: có thể làm phiếu bài tập chính tả hoặc luyện tập về từ và câu.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

ÔN BÀI CŨ

GV yêu cầu HS nhắc lại tên bài học trước *Em có xinh không?* và nói về những điều thú vị trong bài học đó.

GV có thể sử dụng hình thức trò chơi để thực hiện hoạt động ôn bài cũ cho HS.

ĐỌC

1. Khởi động

– Cả lớp: GV có thể cho HS nghe bài hát *Những em bé ngoan* của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, sau đó hỏi HS: Bạn nhỏ trong bài hát được ai khen? Những việc làm nào của bạn nhỏ được cô khen?

– Cặp đôi/ nhóm: Cùng nói cho nhau nghe về những việc làm được thầy/ cô giáo khen và cảm xúc của em khi được thầy/ cô khen.

+ Một số câu hỏi gợi ý: *Nói về việc làm của em được thầy/ cô khen?* (Em hát rất hay; Em trả lời rất tự tin; Em luôn giúp đỡ bạn; Em chú ý nghe cô giáo giảng bài... *Em viết đẹp hơn; Em không còn mắc lỗi chính tả; Em không còn làm việc riêng trong giờ học; Em chơi với bạn rất đoàn kết và thân thiện; Em tham gia thảo luận nhóm rất tích cực; Em đọc bài lưu loát, rõ ràng...*).

+ *Em cảm thấy thế nào khi được thầy/ cô khen?* (Em không biết/ vui/ thích/ hạnh diện,...).

– GV gọi một số HS trình bày kết quả thảo luận. GV và HS chốt nội dung thảo luận.

– GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Đọc văn bản

– GV hướng dẫn cả lớp:

+ GV giới thiệu: Bài đọc kể về nhân vật Quang trong một giờ học. Quang được thầy giáo mời lên nói trước lớp. Lúc đầu bạn ấy lúng túng, rụt rè. Sau đó, nhờ sự động viên, khích lệ của thầy giáo, bạn bè và sự cố gắng của bản thân, Quang đã nói năng lưu loát, trở nên tự tin.

Trong bài đọc, có lời đối thoại của thầy giáo và nhân vật. Khi đọc bài, các em chú ý cách đọc lời nhân vật.

+ GV đọc mẫu toàn bài đọc.

+ GV hướng dẫn kĩ cách đọc lời nhân vật thầy giáo và lời nhân vật Quang. GV đọc rõ ràng, lời người kể chuyện có giọng điệu tươi vui; ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. (Chú ý ngữ điệu khi đọc *Em...*; *À... ờ;* *Rồi sau đó... ờ... à...*; *Mẹ... ờ... bảo.*). HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đọc đối với các em như: *lúng túng, kiên nhẫn,...*

+ GV hướng dẫn HS luyện đọc những câu dài (VD: *Quang thở mạnh một hơi/ rồi nói tiếp:/ “Mẹ... ờ... bảo:/ “Con đánh răng đi”./ Thế là con đánh răng.*)

+ GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *minh thích.*; đoạn 2: tiếp theo đến *thế là được rồi đấy!*; đoạn 3: tiếp theo đến *em đi học.*; đoạn 4: còn lại). GV hướng dẫn HS quan sát 4 đoạn văn được chia trong SHS.

– Luyện đọc theo nhóm/ cặp:

+ GV lưu ý HS cách đọc: Trong bài đọc, có lời đối thoại của thầy giáo và nhân vật Quang. Khi đọc bài, các em chú ý đọc đúng, rõ ràng lời các nhân vật. Chú ý ngữ điệu khi đọc *Em...*; *À..... ờ...*; *Rồi... ờ...*; *Rồi sau đó.... ờ... à;* *Mẹ... ờ... bảo.*

+ HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm cho đến hết bài.

+ GV giúp đỡ HS gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.

+ GV mời 4 HS đại diện cho 4 nhóm đọc nối tiếp đoạn trước lớp; phát hiện từ ngữ khó đọc với HS (VD: *lúng túng, kiên nhẫn*); GV mời 1 – 2 HS đọc lời giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong VB.

+ GV tổ chức thi đọc giữa các nhóm.

+ HS và GV nhận xét. GV chú ý sửa lỗi cho HS.

– GV mời một HS đọc lại toàn bài. Cả lớp đọc thầm theo.

Lưu ý:

+ GV có thể hướng dẫn HS giải nghĩa từ ngữ khó và luyện đọc câu dài ngay sau hoạt động đọc mẫu toàn bài của GV, hoặc có thể lồng vào phần luyện đọc trước lớp của các nhóm.

+ Tùy theo đối tượng HS, GV có thể cho HS đọc phân vai hoặc tổ chức cho HS đóng kịch (Người dẫn chuyện, thầy giáo, Quang).

3. Trả lời câu hỏi

Tùy đối tượng HS, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, nhóm.

Câu 1. Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp làm gì?

– HS làm việc chung cả lớp:

+ Một HS đọc to câu hỏi.

+ GV nhắc cả lớp đọc thầm đọc lại đoạn 1 và tìm câu trả lời.

+ GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét.

+ GV và HS thống nhất câu trả lời.

Đáp án: Trong giờ học, thầy giáo yêu cầu cả lớp tập nói trước lớp về bất cứ điều gì mình thích.

Câu 2. Vì sao lúc đầu Quang lúng túng?

– Để giúp HS hiểu bài sâu hơn/ thuận lợi hơn khi trả lời câu hỏi 2, trước đó, GV nên hỏi thêm một số câu hỏi kết nối: Ai là người được thầy giáo mời lên nói đầu tiên? (Bạn Quang). Từ ngữ nào cho biết cảm xúc của Quang khi được mời lên nói trước lớp? (*lúng túng, đỏ mặt*). Để biết lí do vì sao Quang lúng túng, các nhóm đọc đoạn 2, đoạn 3 và cùng nhau thảo luận để tìm câu trả lời.

– HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ Một HS đọc to câu hỏi. Cả lớp đọc thầm.

+ Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm.

– Cả lớp làm việc:

+ GV mời 2 – 3 HS đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.

+ GV và HS nhận xét câu trả lời, thống nhất đáp án (Vì bạn cảm thấy nói với bạn bên cạnh thì dễ nhưng đứng trước cả lớp mà nói thì sao mà khó thế.).

Câu 3. Theo em, điều gì khiến Quang trở nên tự tin?

HS làm việc cá nhân và nhóm:

+ GV hướng dẫn HS dựa vào nội dung đoạn 2 và đoạn 3 để tìm câu trả lời.

- + Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm thống nhất đáp án trong nhóm
- Cả lớp làm việc:
- + 2 – 3 HS đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.
- + GV và HS nhận xét câu trả lời, thống nhất đáp án (Thầy giáo và các bạn động viên, cổ vũ Quang; Quang rất cố gắng).
- + Từ nội dung thảo luận câu 3, GV có thể cài vào bài học giáo dục đạo đức cho HS. (HS trong lớp học cần giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn, cần động viên, khen ngợi bạn khi bạn làm được việc tốt; Tự tin giúp em làm được nhiều việc tưởng như rất khó: không còn sợ bóng đêm, không còn sợ nói trước đông người, nói năng lưu loát khi phát biểu ý kiến.)

Câu 4. *Khi nói trước lớp, em cảm thấy thế nào?*

- HS làm việc nhóm:
- + Một HS đọc yêu cầu.
- + GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, khuyến khích HS mạnh dạn nói với bạn cảm xúc, suy nghĩ của bản thân khi nói trước lớp.
- + Các nhóm thảo luận. GV khích lệ HS trả lời theo trải nghiệm của mỗi em. Nếu HS lúng túng trong thảo luận, GV có thể đưa ra các tình huống như HS phát biểu ý kiến, thuyết trình, kể chuyện trước lớp,... để các em trao đổi và nói về cảm xúc của mình trong những tình huống đó.
- HS làm việc chung cả lớp:
- + GV mời 3 – 4 HS đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV chưa nên chốt câu trả lời mà có thể hỏi một số HS khác trong lớp: Em thấy ý kiến nào phù hợp với suy nghĩ của em?...
- + GV và cả lớp nhận xét câu trả lời. GV chốt câu trả lời.

4. Luyện đọc lại

Một HS đọc lại cả bài. Cả lớp đọc thầm theo.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. *Tìm những câu hỏi có trong bài đọc. Đó là câu hỏi của ai dành cho ai?*

- HS làm việc cá nhân và nhóm:
- + GV yêu cầu HS đọc thầm câu hỏi 1.
- + GV nhắc HS đọc lướt toàn bài để tìm câu trả lời. Từng em tự trả lời câu hỏi, sau đó trao đổi nhóm.
- Cả lớp làm việc:
- + GV mời 2 – 3 HS đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.
- + Các nhóm khác nhận xét. GV và cả lớp chốt nội dung trả lời (Những câu hỏi có trong bài đọc: *Sáng nay ngủ dậy em làm gì?; Rồi gì nữa?*. Đó là câu hỏi của thầy giáo dành cho Quang).

Lưu ý: Các nhóm trả lời nhanh có thể thi đố nhau: Đố bạn, dấu câu nào đặt cuối câu hỏi *Sáng nay ngủ dậy em đã làm gì?...* để rèn cho HS kỹ năng nhận biết hình thức câu hỏi.

Câu 2. Đóng vai các bạn và Quang, nói và đáp lời khen khi Quang trở nên tự tin.

– Một HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn HS sắm vai trong nhóm và làm mẫu: Từng cặp, thay nhau đóng vai bạn trong lớp và Quang để nói và đáp lời khen. Bạn nói lời khen trước, sau đó bạn đóng vai Quang sẽ đáp lại lời khen.

+ GV nêu câu hỏi và mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi: Để khen bạn tự tin, chúng ta khen thế nào? (Bạn giỏi thế!); Để đáp lại lời khen đó, chúng ta nói thế nào? (Cảm ơn bạn rất nhiều!)

+ GV mời 2 HS sắm vai trước lớp để thực hiện yêu cầu: nói và đáp lời khen Quang khi bạn đã trở nên tự tin.

+ GV và cả lớp nhận xét: câu khen và đáp lời khen (đúng/ hay); Nói rõ ràng, lưu loát.

– HS làm việc nhóm đôi:

+ Từng cặp HS thay phiên nhau đóng vai bạn và Quang để nói và đáp lời khen. GV khuyến khích các em mạnh dạn nói theo quan điểm của cá nhân mình.

– Làm việc cả lớp:

+ Một số cặp đóng vai trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét. GV tổng hợp những lời khen – đáp lời khen của các nhóm và khen các nhóm cố gắng, biết nói và đáp đúng, hay lời khen; biết hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ.

(Đáp án: Câu khen: Bạn giỏi thật đấy./ Bạn rất cừ./...)

Câu đáp lời khen: Cảm ơn bạn./ Cảm ơn bạn đã động viên tôi./ Cảm ơn bạn, tôi sẽ cố gắng hơn nữa...).

– GV nhận xét tiết học.

TIẾT 3

VIẾT

1. Nghe – viết

– GV nêu yêu cầu nghe – viết.

– GV đọc một lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe.

– GV mời 1 – 2 HS đọc lại đoạn văn trước lớp.

– GV hướng dẫn HS :

+ Quan sát những dấu câu có trong đoạn văn sẽ viết (có thể cho HS nhìn trong SHS hoặc GV chiếu đoạn viết trên màn hình), giúp các em biết nêu tên các dấu câu: dấu chấm (3 lần xuất hiện), dấu phẩy (2 lần xuất hiện),...

- + Viết hoa chữ cái đầu tên bài, viết hoa chữ đầu câu, viết hoa các chữ sau dấu chấm.
- + Viết những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai, lẫn do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương. VD: *Quang, nguỵng nghịu, lưu loát.*
- GV đọc tên bài, đọc từng câu cho HS viết vào vở.
- GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.
- GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên khen ngợi các em.

2. Tìm những chữ cái còn thiếu trong bảng. Học thuộc tên các chữ cái.

- GV nêu yêu cầu của bài tập: Đọc tên chữ cái ở cột 3, viết vào vở bài tập những chữ cái tương ứng.
- Cả lớp làm vào vở.
- GV chữa bài trên bảng.

Đáp án:

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
20	p	pê
21	q	quy
22	r	e-rờ
23	s	ét-sì
24	t	tê

Số thứ tự	Chữ cái	Tên chữ cái
25	u	u
26	ư	ư
27	v	vê
28	x	ích-xì
29	y	i dài

- GV hướng dẫn HS học thuộc bảng chữ cái: đưa chữ cái và yêu cầu HS đọc tên chữ cái đó. (Có thể cho HS làm việc nhóm, các bạn tự kiểm tra cho nhau hoặc tổ chức dưới hình thức trò chơi.)

3. Sắp xếp tên các bạn theo đúng thứ tự trong bảng chữ cái. Viết lại tên các bạn theo thứ tự đã sắp xếp.

- HS làm việc cá nhân:
 - + Một HS đọc yêu cầu, cả lớp đọc thầm theo.
 - + GV hướng dẫn cách làm bài tập: Đối chiếu tên các bạn với bảng chữ cái ở bài tập 2 để sắp xếp tên theo đúng thứ tự.
 - + GV làm mẫu: mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi: Đối chiếu với bảng chữ cái, tên bạn Quân nên xếp ở vị trí nào? Tại sao lại xếp tên bạn vào vị trí thứ nhất? (Vì trong số 5 bạn không có bạn nào có tên bắt đầu *quy* hay *pê*). Nhiệm vụ tiếp theo của cả lớp là xếp tên 4 bạn còn lại theo thứ tự. Sau đó viết vào vở kết quả tìm được.
 - + Cả lớp làm vào vở.

- Làm việc cả lớp:
- + GV dán bảng 2 – 3 tờ phiếu, phát bút dạ mời 2 – 3 nhóm HS thay nhau thi làm bài tiếp sức. Đại diện nhóm đọc kết quả.
- + Cả lớp và GV nhận xét; GV chốt lại câu trả lời đúng: *Quân, Sơn, Tuấn, Vân, Xuân*.
- GV kiểm tra, nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 4

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm.

- Làm việc cả lớp: GV chiếu chữ lên bảng, yêu cầu một HS đọc yêu cầu.
- HS làm việc theo cặp/ nhóm.
- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.
- GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án: *mượt mà, bầu bĩnh, sáng, cao, đen láy.*

Lưu ý: GV có thể phát cho mỗi nhóm 5 – 7 thẻ trắng (chưa ghi từ ngữ). HS có nhiệm vụ ghi mỗi từ ngữ tìm được vào 1 thẻ. Sau đó các nhóm lần lượt dán các thẻ từ lên bảng. GV cùng cả lớp nhận xét, bỏ bớt những thẻ từ trùng nhau hoặc không đúng. Tiếp theo GV yêu cầu HS tìm thêm các từ ngữ chỉ đặc điểm ngoài những từ ngữ đã cho. Cứ như vậy cho đến ý kiến cuối cùng. GV mời 2 HS đọc lại từ ngữ có trong thẻ từ gắn trên bảng.

- + GV khen ngợi các nhóm tìm từ ngữ đúng, nhanh.

2. Ghép các từ ngữ ở bài tập 1 để tạo câu nêu đặc điểm.

- Làm việc cả lớp:
- + Một HS đọc yêu cầu của bài tập 2.
- + GV hướng dẫn HS làm bài tập: HS lần lượt ghép các từ ngữ chỉ đặc điểm vừa tìm được ở bài tập 1 với các từ ngữ còn lại trong mỗi đám mây cho đến khi thấy hợp lí.
- HS làm việc theo nhóm:
- + HS trong nhóm nối tiếp nhau ghép các từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người với từ ngữ chỉ đặc điểm. Có thể chơi trò tung bóng: một HS nói từ chỉ đặc điểm, một HS khác tìm từ ngữ phù hợp và nói câu hoàn chỉnh.
- GV tổ chức chữa bài trước lớp:
- + Đại diện một số nhóm phát biểu kết quả làm việc của nhóm.

3. Đặt một câu nêu đặc điểm ngoại hình của một bạn trong lớp em.

- HS làm việc cá nhân và nhóm.
- + Một HS đọc yêu cầu bài tập (đọc cả mẫu).
- + HS suy nghĩ, mỗi em tự đặt một câu. Sau đó nói cho bạn nghe câu đặt được. Cả nhóm nhận xét, góp ý câu của bạn.

– Đại diện một số nhóm nói câu của mình đã đặt trước cả lớp và GV nhận xét, góp ý.
VD: Bạn Hà có đôi mắt đen láy; Khuôn mặt của Châu Anh bầu bĩnh; Dương có vầng trán cao;...

Lưu ý: Để giảm tải kiến thức, bài tập này không cung cấp cấu trúc câu: Ai thế nào?, chỉ đưa ra yêu cầu dựa vào kết quả làm được ở bài tập 2 để bước đầu biết đặt câu đơn giản. Vì thế khi HS trả lời, GV cần chú ý sửa lỗi câu sai ngữ pháp cho HS (từ ngữ chỉ đặc điểm phải phù hợp với từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể người).

TIẾT 5 – 6

LUYỆN VIẾT ĐOẠN

1. Nói về các hoạt động của bạn nhỏ trong tranh.

– Làm việc chung cả lớp:

Bài tập này yêu cầu HS quan sát tranh, nói về hoạt động của bạn nhỏ trong mỗi tranh để thực hành viết 3 – 4 câu về việc em thường làm. GV lưu ý HS đoán xem thời gian thực hiện các hoạt động đó vào lúc nào.

– Một HS đọc yêu cầu của bài tập.

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, quan sát từng tranh theo câu hỏi gợi ý trong SHS.

Tranh 1

– Làm việc nhóm:

+ Từng em quan sát tranh.

+ Nhóm trưởng nêu từng câu hỏi và mời các bạn trả lời.

+ Cả nhóm nhận xét.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV và cả lớp nhận xét. GV tổng hợp ý kiến của các nhóm (Tranh vẽ cảnh bạn nhỏ ngủ dậy. Em đoán đây là cảnh thức dậy buổi sáng của bạn nhỏ. Bạn nhỏ ngồi trên giường, hai tay vươn cao. Vẻ mặt tươi cười. Em nghĩ là bạn nhỏ thức dậy và cảm thấy rất vui vẻ, thoải mái. Vì nét mặt bạn rất tươi tỉnh.)

Lưu ý: GV khuyến khích HS mạnh dạn nói về những gì các em quan sát được trong tranh. GV mời từng nhóm trình bày. GV có thể khích lệ HS đưa ra các ý kiến khác nhau. Cuối cùng, GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, khen các nhóm đã mạnh dạn, tự tin nói trước lớp, có trí tưởng tượng phong phú, nói lưu loát.

Tranh 2: Cách triển khai tương tự.

+ Bạn nhỏ đang làm gì? (đánh răng)

+ Bạn nhỏ làm việc đó vào lúc nào? (Buổi sáng, sau khi ngủ dậy)

+ Theo em, việc làm đó cho thấy bạn nhỏ là người thế nào? (Bạn nhỏ biết chăm sóc, giữ vệ sinh răng miệng)

Nội dung tranh 2: Buổi sáng, sau khi thức dậy, bạn nhỏ đánh răng. Em nghĩ là bạn nhỏ là người biết giữ vệ sinh cá nhân sạch sẽ.

Tranh 3: triển khai tương tự.

+ Bạn nhỏ đang làm gì? (ăn sáng)

+ Bạn nhỏ làm việc đó vào lúc nào? (Buổi sáng, sau khi đánh răng, rửa mặt)

+ Theo em, bạn nhỏ ăn sáng có ngon miệng không? Vì sao em biết? (Bạn nhỏ ăn sáng rất ngon miệng, vì vẻ mặt của bạn rất hào hứng)

Nội dung tranh 3: Sau khi làm vệ sinh cá nhân, bạn nhỏ ăn sáng. Vẻ mặt của bạn rất hào hứng. Có lẽ bạn thấy bữa sáng rất ngon.

Tranh 4: triển khai tương tự.

+ Bạn nhỏ đang làm gì? (đi học)

+ Vì sao em biết? (Bạn nhỏ mặc đồng phục, vai đeo cặp)

+ Em đoán xem, bạn nhỏ có vui không? Vì sao em biết? (Rất vui, vì vẻ mặt bạn tươi cười)

Nội dung tranh 4: Cuối cùng, bạn nhỏ đi học. Trong bộ đồng phục, vai đeo cặp, bạn nhỏ đến trường. Nét mặt của bạn rất vui.

Lưu ý: Tùy theo đối tượng HS, GV có thể đặt câu hỏi, khai thác tranh ở những mức độ khác nhau. Ở mức đơn giản nhất, chỉ cần HS nói được 4 câu kể về hoạt động trong 4 tranh.

– Sau khi các nhóm lần lượt nói về mỗi tranh, GV mời 2 – 3 HS nói lại nội dung trong cả 4 tranh. GV gợi ý HS sử dụng các từ ngữ *sau đó, tiếp theo, cuối cùng* trong phần nói của mình. VD: Bạn nhỏ vươn vai thức dậy. Sau đó, bạn ấy đánh răng. Tiếp theo, bạn ăn sáng. Cuối cùng bạn đến trường/ đi học.

+ GV khen các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Viết 3 – 4 câu kể những việc em thường làm trước khi đi học.

– Một HS đọc to yêu cầu trong khi cả lớp đọc thầm.

– GV yêu cầu HS viết ra nháp những việc các em thường làm trước khi đi học.

– GV hướng dẫn HS viết thành đoạn.

+ Đoạn văn viết về những việc em thường làm trước khi đi học.

+ Đoạn văn viết từ 3 – 4 câu.

+ Đầu câu viết hoa, cuối câu sử dụng dấu câu phù hợp.

+ Câu đầu tiên viết lùi vào 1 ô.

+ Tư thế ngồi viết.

...

– HS viết bài vào vở. GV quan sát, giúp đỡ những HS gặp khó khăn.

– HS đổi vở cho nhau, cùng soát lỗi.

- GV phân tích bài hay. GV có thể chiếu bài của HS lên bảng hoặc mời HS đọc bài viết của mình. Sau đó, GV và cả lớp nhận xét.
- GV hướng dẫn HS tự sửa lỗi sai (nếu có).

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc một bài thơ hoặc câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà.

(Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm đọc một bài thơ hoặc một câu chuyện viết về trẻ em làm việc nhà. GV có thể chuẩn bị một số VB phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp hoặc mượn trong thư viện trường) và cho HS đọc ngay tại lớp.)

- GV cung cấp sách (hoặc HS chuẩn bị trước) và tổ chức cho HS đọc trong nhóm.
- HS chia sẻ bài thơ/ câu chuyện tìm được với bạn và thảo luận nhóm theo gợi ý:
 - + Tên bài thơ/ câu chuyện là gì?
 - + Tác giả của bài thơ/ câu chuyện là ai?

2. Đọc cho các bạn nghe một đoạn em thích.

HS làm việc nhóm:

- HS đọc đoạn thơ/ đoạn văn trong nhóm.
- GV mời một số HS đọc đoạn thơ/ đoạn văn trước lớp. Cả lớp nghe, nhận xét. GV có thể hỏi: Bạn nhỏ làm được việc gì? Em thấy bạn nhỏ trong bài thơ, câu chuyện là người thế nào?

CÙNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt những nội dung chính. Sau bài 6. *Một giờ học*, các em đã:
 - + Hiểu được tự tin sẽ giúp chúng ta làm được những việc tưởng rất khó.
 - + Nhận biết từ chỉ đặc điểm, biết dùng từ chỉ đặc điểm để nói câu nêu đặc điểm; Mở rộng vốn từ về bản thân.
 - + Viết bài chính tả và làm bài tập chính tả.
 - + Viết được đoạn văn 3 – 4 câu kể về những việc em thường làm trước khi đi học.
- HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.